

TÂM - PHẬT VÀ CHÚNG SINH.

Hòa Thượng Phổ Quang (Thích Thiện Huệ)

Kinh Hoa nghiêm nói "tâm - Phật và chúng sinh thị tam vô sai biệt" có nghĩa tâm với Phật cùng chúng sinh đồng nhất không sai khác.

Phật giáo nhận định rằng tâm là gốc (bản) sinh ra Phật và chúng sinh, hay nói cách khác ngoài tâm không riêng có Phật và chúng sinh.

Khi tâm mê thì là chúng sinh, khi tâm giác thì là Phật. Chúng sinh và Phật là hai trạng thái của một tâm và đều là tâm, nên nói "*Tâm, Phật và chúng sinh cả ba không khác nhau*", đây là nói theo nghĩa phương tiện của chân đế. Theo tục đế thì cả ba sai biệt. Tục đế thấy hai tâm, mê là chúng sinh, giác là Phật. Thấy hai tâm đối lập mê và giác là do thức phân biệt của chúng sinh tri kiến. Chân đế nhận giác là thật và mê là huyễn, đã là huyễn tất nhiên đồng với không có, và huyễn đã không có thì giác nương vào đâu mà có, nên chân tâm chẳng có hai thứ đối lập mê và giác. Thấy nhất tâm không có mê giác là do trí vô phân biệt của Phật tri kiến.

Thức là tác dụng của chúng sinh tri kiến và vọng tâm. Trí là tác dụng của Phật tri kiến và chân tâm.

Khác với các tôn giáo tôn thần linh là đáng sáng tạo ra thế giới và muôn loài, đạo Phật nhận mọi vật đều do tâm sinh, tâm là chủ sáng tạo nên muôn pháp, như kinh Pháp Cú nói "*Tâm chủ, tâm tạo tác, tâm dẫn đầu mọi pháp*". Phật giáo cho rằng mỗi chúng sinh và cảnh giới của họ đều do tự tâm họ tạo thành, tâm sao thế giới vậy. Điều này có nghĩa từ tướng mạo cho đến cảnh giới giàu nghèo của chúng sinh đều do tâm họ tạo thành, Phật pháp gọi "vạn pháp duy tâm" hay "nhất thiết duy tâm tạo".

1. Tâm.

Tâm trong Phật giáo khác hẳn với ý thức, linh hồn hay duy tâm của triết học. Đạo Phật nhận rằng tâm là sáng tạo chủ nên chúng sinh và thế giới, tâm được diễn giải như sau :

Commented [1]: Bản tâm là thật Phật ví như hư không, chúng sinh như hoa đốm trong hư không, chỉ thực có với người hoa mắt, người này thấy hoa đốm sinh và diệt trong hư không, kì thực hoa đốm và sinh diệt chỉ thuần là ảo tưởng.

Commented [2]: Tâm mê thấy hoa đốm là thật, chúng sinh là người đau mắt. Tâm giác thấy hư không thanh tịnh, Phật là người không bị bệnh mắt.

Commented [3]: Nếu nói theo nghĩa cứu cánh của chân đế tức đệ nhất nghĩa đế thì tâm bốn vô nhất vật.

Commented [4]: Tâm nói rằng mỗi chúng sinh có mỗi tâm riêng biệt, và một tâm đồng nhất trên từ chư Phật dưới đến muôn loài. Tâm riêng biệt là vọng, tâm đồng nhất là chân. Gọi là vọng do tạo tác các nghiệp thiện ác làm nhân gây nên quả khổ lạc.

Commented [5]: Tâm sáng tạo chủ này là vọng tâm. Chân tâm không sáng tạo một vật nhưng nhiếp mọi vật. Vọng tâm sáng tạo chúng sinh như mắt bệnh sáng tạo hoa đốm. Chân tâm như mắt khỏe chỉ thấy hư không thanh tịnh. Hư không không sinh hoa đốm, nhưng hoa đốm không ngoài hư không mà có được.

Tâm bao gồm tám thức. Năm thức đầu gọi là tiền ngũ thức gồm nhãn, nhĩ, ty, thiệt và thân, thức thứ sáu là ý thức, thức bảy là mạng na thức và thức tám là A lại da thức.

Năm thức đầu là sự thấy biết khách quan mọi sự vật. Thức thứ sáu nhận biết chủ quan qua năm thức khách quan trên, ý thức sẽ cho ý kiến phân biệt đẹp xấu, thích ghét khi thấy, nghe, mùi, vị, đụng chạm theo thức thứ bảy mạng na.

Mạng na thức là thức nhận biết và chấp ngã (chấp có tôi), mọi phân biệt, suy nghĩ của ý thức đều dựa trên mạng na thức (tôi), nên mọi ý thức đều mang tính chủ quan và luôn là ý của tôi. Nói rõ hơn mạng na là "ý thức có tôi", ý thức là sự phân biệt các pháp theo ý tôi. Thông qua năm thức đầu, ý tôi phân biệt thủ xả tạo tác vô số nghiệp thiện ác theo hướng thuận với nghiệp nhân mà mạng na nạp thọ từ tạng thức, có nghĩa nếu nghiệp nhân ấy thuộc thiện thì mạng na và ý thức sẽ là cái tôi hướng thiện và được hưởng quả phúc báo. Tuổi thọ của mỗi nhân quả này cũng là tuổi thọ của cái gọi là tôi.

Commented [6]: Descartes nói "tôi tư duy nên tôi hiện hữu". Tôi + tư duy = tôi hiện hữu.

Commented [7]: Chính vì vậy hễ đổi nghiệp thì tôi và cảnh giới thay theo, vì vậy mà có chết cái thân nghiệp này mới sinh thân hoặc sinh tình độ theo nghiệp nhân mới có nhiều phúc báo hay công đức hơn.

Các nghiệp nhân được gieo đều tích tụ bên ngoài bảy thức, chúng được gọi là chủng tử (hạt giống) tích chứa trong a lại da thức (tạng thức). Sở dĩ gọi là tạng thức vì chúng là kho chứa mọi chủng tử cùng bảy thức kia. Các nghiệp nhân còn gọi là chủng tử tức các hạt giống thiện ác được uơm trong tạng thức cho đến khi nảy mầm chờ thành quả, cũng là lúc thai nhi xuất hiện mang theo nghiệp nhân đó để thọ quả báo. Khi quả báo hoàn mãn, nghiệp này chấm dứt là lúc lâm chung của một kiếp người. Và tạng thức lại cho bảy thức một nghiệp mới và một tôi mới ra đời. Cứ vậy mỗi kiếp sống là thọ báo của mỗi nghiệp, hơn nữa mỗi kiếp còn tạo thêm vô số nghiệp nhân bằng ba nghiệp với đủ mọi đối tượng. Thí dụ như suy nghĩ, nói năng, hành động tốt hay xấu với nhiều người bao quát già trẻ, gái trai hay loài vật như chó mèo, chim cá, mỗi một nghiệp nhân đó sẽ thành tựu một kiếp sống mang thân người hay loài vật tương ứng với nhân đã gieo để thọ báo. Đại để như trong một đời ăn vạ con cá, thì phải sinh vạ đời thân cá để thọ báo, còn như một đời phóng sinh thì vĩnh viễn không thọ thân cá. Cứ vậy mà một đời gieo nhân cho vạ đời nên sinh tử luân hồi không bao giờ chấm dứt.

Các nghiệp nhân mới của ba nghiệp được lưu trữ trong tạng thức. Khi nghiệp nhân nào thọ quả hoàn mãn xong thì nghiệp ấy kết thúc đồng nghĩa với thân đó mạng chung, khi ấy chủng tử khác trong a lại da thức chín muồi sẽ là nghiệp

nhân mới thọ báo đồng với sự sinh của một hài nhi. Sinh tử là chuỗi tiếp diễn liên tục của các nghiệp nhân thọ quả, mỗi kiếp là một tiến trình sinh trụ dị diệt của một nhân quả.

Tâm pháp và sắc pháp.

Sắc pháp được hiểu là vật chất, tâm pháp thuộc về phi vật chất, đó là sự hiểu theo thức phân biệt của tục đế. Đứng về phương diện chân đế thì cả hai thứ tâm pháp và sắc pháp đều thuộc về tâm.

Theo bát nhã thì thọ, tưởng, hành, thức của năm uẩn là tâm pháp, riêng sắc thuộc về sắc pháp. Nhưng thật trí cho thấy giống như bốn tâm pháp kia sắc cũng chẳng khác không mà chính là không, như thế sắc đồng với bốn uẩn kia cùng là tâm pháp.

Thật tính của mọi pháp và mọi sự vật đều là không tính, nên tất cả đều là tâm pháp. Bởi mọi sự vật đều do nhân duyên thành không có thực thể nên là giả hữu (không thật có). Do vậy đức Phật tuyên thuyết trong *kinh Kim Cương thuyết "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng" hề có hình tướng đều là hư vọng không thật.*

Cái tôi của chúng sinh gồm hai phần tâm và sắc pháp đều do nghiệp cấu thành nên đều hư vọng không thật. Và cả hai sắc và tâm đều do tâm sinh nên thân tâm đều là tâm pháp.

Tôi thật sự là ai?

Descartes nói "*tôi tư duy nên tôi hiện hữu*" tôi và tư duy (ý thức) phối hợp thành một cái tôi thật sự (tôi hiện hữu). Có tôi mới có tư duy và có tư duy mới nhận ra sự có mặt của tôi, vì vậy tôi và tư duy hợp nhất mới toàn vẹn là tôi. Tôn giáo cho tôi là phần thân xác và tư duy là phần linh hồn, tôi là tổng hợp của xác thân và linh hồn. Triết học thì cho tôi là thân, tư duy là tâm, tôi là hợp nhất của thân tâm.

Nhưng tôi từ đâu thành? Tôi do các chủng tử của nghiệp đã gieo trong quá khứ tích hợp chiêu cảm thành. *Cổ nhân nói "cha mẹ sinh con trời sinh tính"*, quả vậy tôi từ khi hiện hữu đã có những thói quen riêng biệt không mang tính di truyền,

Commented [8]: Đã biết tôi chỉ là vọng nghiệp, và giải thoát là trừ vọng, nên sự tu hành nhắm vào phá ngã hơn là chỉ lo cầu nguyện cho ngã nghiệp này.

Commented [9]: Nhà toán học, triết gia người Pháp cuối thế kỷ 16.

thói quen sẵn có trong tôi chính là thứ nghiệp quá khứ tạo nên tôi trong đời này, và nghiệp đó chi phối phần lớn thói quen hiện tại.

Các nghiệp nhân bao gồm ba nghiệp thân khẩu ý nên khi thọ báo cũng bằng ba nghiệp. Dụ như gieo nghiệp cứt cổ gà, sẽ chịu quả báo của nghiệp nhân này là mang thân gà và chịu cứt cổ, như vậy nhân quả của nghiệp lưu trữ trong tạng thức cũng cấu thành hình hài để thọ quả báo. Thân và tâm của chúng sinh được nghiệp nhân hình thành theo quả báo và vì vậy đều không thật, chỉ dựa vào nhân duyên mà có nhất thời vì mang tính **y tha khởi**.

Commented [10]: Dựa vào các thứ khác mà thành, không có tính độc lập.

Sự tái sinh của tôi.

Tôi và ý của tôi, hai thứ này đều là mạt na thức nhưng được chia làm hai phần nổi và chìm như gốc và ngọn. Phần chìm là sự chấp ngã (tôi) gọi là mạt na thức, phần nổi là ý thức hoàn toàn dựa vào tôi. Tôi và ý tuy hai nhưng là một. Mọi thứ được ý thức tư duy phân biệt đều lấy tôi (mạt na) làm căn bản, nói chung phần ngọn ý thức bị phần chìm mạt na chấp ngã chi phối hoàn toàn.

Nhưng mạt na dựa vào đâu để chấp ngã? A lại da thức thứ tám nơi chứa mọi chủng tử nghiệp nhân trong các đời quá khứ sẽ chuyển cho mạt na và ý thức một chủng tử nghiệp chín muồi, hai thức này sẽ hợp thành tôi với nghiệp nhân ấy và sinh mạng mới của tôi xuất hiện để thọ quả báo, cứ thế mà tôi tái sinh trong chuỗi sinh tử bất tận. Ý thức và tôi của một đời chỉ do một chủng tử (nghiệp nhân) trong vô số chủng tử của tạng thức tạo thành, nên ý thức chỉ hoạt động giới hạn theo **nghiệp nhân này**, vì lẽ đó ý thức không thể nhớ hay biết đến mọi chủng tử khác đã gieo trong các đời quá khứ. Và như mọi kiếp tôi và ý thức chỉ sinh hoạt theo tiến trình thọ quả báo của nghiệp nhân mà tôi và ý thức được tạng thức truyền trao. Như vậy thân tâm của tôi hay linh hồn và thể xác của tôi chung quy chỉ là một mối nhân quả của nghiệp, và do nghiệp nhân mỗi đời mỗi khác nên tôi mỗi kiếp cũng khác nhau, vì vậy đức Phật bảo chúng sinh **bị nghiệp dẫn dắt và chi phối**.

Commented [11]: Nghiệp nhân này chỉ là một hạt cát trong vô số nghiệp như cát sông Hằng trong tạng thức, nên nó không đại biểu cho các nghiệp nhân khác vì vậy nó không biết gì đến các nghiệp khác thuộc quá khứ, nên chúng sinh hoàn toàn không nhớ biết nghiệp quá khứ của mình.

Commented [12]: Phạm phu tu hành chỉ lo cầu cho cái tôi của nghiệp này nên càng tu càng tăng nghiệp. Tu hành như vậy không thể nào xuất tam giới gia được.

Cái gọi là tôi do tạo vô số nghiệp thiện ác nên phải chịu thọ báo khổ lạc vô số kiếp, mỗi kiếp là nhân quả báo ứng của mỗi nghiệp, có kiếp thọ phúc báo, có kiếp thọ ác báo, kiếp làm vua, kiếp làm ăn mày, thậm chí làm súc sinh, chẳng có tôi nào trong ấy thực sự là tôi, nếu thực là tôi thì tôi không thể thay đổi được.

Do tôi thay đổi vô thường theo nghiệp bất định nên mang tính khổ, vô thường, bất tịnh và vô ngã.

Vọng tâm.

Phật pháp gọi tâm bao gồm các vọng thức của chúng sinh là vọng tâm. Vọng tâm lại có hai là tịnh tâm tức thiện tâm và bất tịnh tâm tức ác tâm. Hai thứ tâm này tạo nên hai hạng thiện ác và hai cảnh giới thọ báo là khổ và lạc.

Như ta đã biết, phàm mọi nhận biết từ ý thức của mặt na đều là nhận biết hư ảo, bởi tôi luôn bị nghiệp chi phối mọi tư duy và hành động. Vì vậy mọi cái tôi thuộc chúng sinh đều không thể nhận ra tính thật của mọi sự vật, mà mỗi người mỗi thấy khác theo cái nghiệp chủ quan của tôi. Để nhận ra thật pháp, chúng sinh phải có sự nhận thức khách quan vô ngã. Trong mọi sự tranh chấp cái tôi nào cũng đúng, thế nhưng giữa những cái tôi "đúng đắn" đó lại xảy ra quá nhiều sai trái, đó là kết quả của vọng thức chủ quan chấp ngã. Vì vậy thức bị coi là vọng, vọng tâm còn gọi là bất tịnh tâm, phân biệt tâm và nhiễm tâm.... Tâm này sáng tạo ra tam giới, lục đạo và nhất thiết chúng sinh.

Nhiễm tâm hay Vọng tâm.

Vì sao gọi là nhiễm tâm? Do tâm này nhiếp mọi pháp thiện ác, tạo mọi nhân quả khổ lạc, họa phúc hỗn tạp không thuần tịnh nên gọi là nhiễm tâm.

Tâm này bao gồm tám thức. Trong đó A lại da thức còn gọi là tạng thức nhiếp chứa mọi chủng tử (nghiệp) của các pháp. Nên biết rằng pháp bao quát hết mọi sự và lý từ tinh thần tới vật chất, các chủng tử này sẽ là nguyên tố tạo nên các pháp (nhị báo) trong tương lai. Các pháp được tạo ra trong tương lai bằng từ chính các chủng tử được chứa trong tạng thức tức các nhân quả trong quá khứ nên chúng mang đầy đủ các nghiệp quá khứ để tiếp nối mọi nhân quả đó trong hiện tại gọi là thọ báo (quả báo), tùy theo nghiệp thiện hay ác mà nhân quả báo khổ hay lạc.

A lại da còn được gọi là căn bản thức vì không những là kho tích chứa các chủng tử là nguyên tố tạo nên thân tâm và thế giới của chúng sinh mà cũng còn là nền tảng khai sinh cho bảy thức sau nương vào. Tạng thức tích chứa mọi chủng tử của các nhân quả trong quá khứ, các chủng tử này đều thuộc vọng

ngiệp, vì thế thức này và bảy thức tùy thuộc đều nhiếp nhiên là vọng thức. Cả tám vọng thức hợp thành vọng tâm, do vọng nên có tính nhiễm, vì thế vọng tâm cũng chính là nhiễm tâm hay loạn tâm.

Commented [13]: Sở dĩ gọi là vọng thức vì thức mang tính phân biệt nên luôn thủ xả, tạo tác mọi vọng nghiệp. Vì vậy đức Phật dạy đệ tử y trí không y thức.

Ảnh hưởng của căn bản thức đối với bảy thức.

Các chủng tử vọng nghiệp nơi A lại da tùy theo nghiệp thiện ác, thứ nào nhiều hơn sẽ tạo thành nghiệp mới (thói quen), nếu nghiệp thiện mạnh và nhiều hơn ác thì nghiệp mới sẽ là thiện nghiệp, và nghiệp ấy được nhìn nhận là ngã (tôi). Thức tự chấp là ngã này gọi là Mạt na, từ cái tôi thiện ác đó sinh ra mọi nhận thức, phân biệt, kiến giải theo cái tôi (cũng chính là nghiệp) của Mạt na. Ý thức có năm công cụ hay bộ phận gồm Nhân (mắt), Nhĩ (tai), Ty (mũi), Thiệt (lưỡi) và Thân.

Ảnh hưởng của căn bản thức đối với nhị báo.

Thân tâm và thế giới của chúng sinh là sản phẩm của vọng tâm, nên thuộc vọng phi chân, và đã là phi chân tất nhiên thân tâm và thế giới ấy không có trong cảnh thật (chân tâm) mà chỉ có trong vọng tâm, như khi ngủ mơ thì ta và cảnh mộng sẽ xuất hiện trong mơ và chỉ có trong giấc mơ, hễ mơ tan thì ta và cảnh mộng đều tàn. Cũng vậy hễ vọng tâm sinh thì nhị báo vọng là vọng ngã và vọng cảnh (thế gian) sinh, khi vọng mất thì vọng ngã và vọng cảnh cũng không còn. Như lời dạy của ngài Tuệ Trung "khi mơ lấm nổi, lúc tỉnh toàn không".

Commented [14]: Mê trung tạo tác, giác hậu đờ vô.

Nhị báo nhiễm ô gồm thân tâm cấu uế và thế giới bất tịnh đã chỉ có trong nhiễm vọng tâm, tất nhiên tịnh độ và niết bàn cũng chỉ có nơi tâm thanh tịnh, ngoài tâm thanh tịnh không riêng có cõi tịnh, nên nói duy tâm tịnh độ. Điều này được đức Phật khẳng định khi trả lời trường giả tử Bảo tích trong kinh Tịnh Danh.

Commented [15]: Tức kinh Duy Ma Cát. Đức Phật nói "Dục cầu tịnh độ, đản tịnh ki tâm, tùy ki tâm tịnh, tức Phật độ tịnh"

Chân tâm.

Chân tâm có nghĩa là tâm chân thật của chúng sinh, vốn thanh tịnh, bình đẳng, bất động. Khi mê mất chân tâm sẽ hình thành một nhiễm tâm bất tịnh, phân biệt và loạn động được gọi là chúng sinh. Khi thức tỉnh cơn mê này trở lại trạng thái thật của chân tâm thì gọi là giác hay thành Phật. Khi mê thì ba cõi sáu đường, khổ lạc, đắc thất không ngừng động loạn, tỉnh ra thì không một vật.

Commented [16]: Chân tâm như hư không, nhiếp vạn vật nhưng vẫn bất động. Chân tâm vô động loạn nên mang tính tịch tịnh, không một vật.

Chân tâm không có vọng thức phân biệt chủ quan, mà bao gồm bốn trí vô phân biệt khách quan. Đó là Đại viên kính trí thay cho a lại da thức, Bình đẳng tính trí thay cho mạn na thức, Diệu quan sát trí thay cho ý thức, Thành sở tác trí thay cho năm thức đầu.

Commented [17]: Thức phân biệt luôn thấy hai. Trí vô phân biệt nên thấy pháp nhất thật.

Do vọng nên luôn thấy có hai pháp đối đãi như thiện ác, phúc họa. Chân tâm không vọng nên không có tám thức, thay vào đó là bốn trí, nhờ vào trí mà thấy tính nhất thật của vạn pháp, do nhất thật (chỉ một không hai) nên tâm không loạn động (định) thủ xả, không sinh tham dục (giới) và không bị mê hoặc (huệ). Giới định huệ là ba đặc tính sẵn có của chân tâm. Thế nên thanh tịnh trang nghiêm là đặc tính của bản tâm, đặc tính này gọi là bản giác hay Phật tính. Phàm nhận biết bản tâm hay kiến Phật tính gọi là giác ngộ thành Phật. Giác ngộ là giác ngộ bản tâm, thành Phật có nghĩa quay về bản tâm, nói đúng hơn thành Phật là quy bản (giác) trong đó thực không có thành, nói thành chẳng qua là theo nghĩa thế tục. Bản tâm hay bản giác chính là Phật, đó là nghĩa *tức tâm tức Phật* của Thiền tông.

Commented [18]: Hai pháp đối đãi gọi là nhị biên, do nhị biên nên phân biệt, phân biệt nên động loạn, động loạn nên bất tịnh.

Commented [19]: Do nhất thật nên bình đẳng vô phân biệt, do vô phân biệt nên bất động không loạn động, bất động nên thanh tịnh.

Tức tâm tức Phật nên mọi công đức thanh tịnh, bình đẳng bất động, quang minh... nơi bản tâm đều đủ nơi Phật và ngược lại mọi thứ giải thoát tự tại, bi trí của Phật đều sẵn có nơi bản tâm. Vì vậy phát tâm là mở ra các pháp thanh tịnh công đức này.

Commented [20]: Tục đế thì có chúng sinh với Phật, chúng sinh tu hành giác ngộ thì thành Phật. Theo chân đế thì chúng sinh là huyền nên không có chuyện huyền thành Phật, hễ huyền diệt thì Giác, Giác là sự thật, và Phật là giác. Như vậy chúng sinh tức tối diệt rồi thì giác tức Phật hiện tiền.

Commented [21]: Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm.

Các tên gọi của Chân tâm.

Chân tâm thường được gọi là Bản tâm, Giác tâm, Vô thượng tâm và Bồ đề tâm.

Bản tâm.

Bản có nghĩa là nguồn gốc sinh khởi mọi thứ. Tâm này là nguồn sinh vạn pháp như biển sinh vô lượng sóng nhưng vẫn bất động không sinh diệt, như hư không nhiếp vạn tượng mà vẫn thanh tịnh không động loạn nhiễm ô. Chính xác hơn bản tâm bất động không hề sinh một pháp, nhưng vạn pháp đều không ngoài tâm tự có, như hoa đóm sinh diệt trong hư không, nhưng hư không chưa hề sinh diệt động loạn.

Commented [22]: Sinh mà không sinh tức động nhưng hằng tịnh, như gương chiếu mọi cảnh, cảnh động gương bất động.

Giác tâm.

Đặc tính của bản tâm là giác do vô nhiễm, bất động, thanh tịnh nên còn gọi là giác tâm. Giác có nghĩa nhận ra bản tâm, và quy hồi bản tâm là giác ngộ. Bản tâm vốn chưa từng mê hay giác, chưa từng nhiễm hay tịnh và như vậy mới thật sự là giác và thanh tịnh, do đó gọi bản tâm là giác tâm.

Vô thượng tâm.

Chân tâm vốn thanh tịnh. Thanh tịnh bao hàm hai nghĩa là tự thanh tịnh và thanh tịnh hóa mọi thứ. Tự thanh tịnh là tự giác, thanh tịnh hóa là giác tha. Ngoài chân tâm không một tâm nào khác hội đủ tính tự thanh tịnh và thanh tịnh chúng sinh nên gọi chân tâm là vô thượng tâm.

Bồ đề tâm.

Bồ đề là một đặc tính của chân tâm, bồ đề vốn có nghĩa là giác. Giác gồm trọn khối nhân quả tự giác và giác tha. Muốn được quả giác ngộ (tự giác) cần phải độ sinh (giác tha), ngược lại muốn giác tha cần phải tự giác. Tự giác và giác tha còn gọi là thượng cầu hạ hóa là một khối "*tức nhân tức quả*", quả chính là nhân và nhân cũng lại chính là quả của nhau, nhân quả tương tức tương sinh. Trong trường hợp này Chân tâm được gọi là tâm bồ đề có nghĩa là tâm thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh. Đại thừa Phật giáo lấy tâm bồ đề làm nền tảng để hình thành, nói như vậy có nghĩa *không có bồ đề tâm thì không có đại thừa Phật giáo, không có đại thừa thì không có thành Phật độ sinh*. Thời mạt pháp đồ chúng đại thừa thường chối từ phát tâm bồ đề, và như thế chỉ là tiểu tâm khoác áo đại thừa.

Phật.

Phật theo Chân đế có nghĩa là giác pháp. Giác vốn là chân thật pháp, thật pháp này vốn thanh tịnh và chính là chân tâm, thế nên tức tâm tức Phật, Phật chính là tâm, tâm chính là Phật.

Theo tục đế Phật được hiểu là người giác ngộ, giải thoát luân hồi sinh tử, tiêu biểu là đức Phật Thích Ca Mâu Ni của thế giới Ta bà. Chân đế nhận Phật là pháp thanh tịnh giác ngộ của chân tâm nên chân thật Phật được xưng là Thanh tịnh pháp thân, còn tục đế nhận Phật là một người giác ngộ. Vì sao có sự khác biệt này?

Commented [23]: Phật và chúng sinh đồng bản tâm, nên khi giác ngộ đức Phật đã nhận ra chúng sinh cũng có đủ trí huệ công đức như Phật không khác.

Chân Phật vốn là pháp nên vô tướng như *Kinh Hoa nghiêm nói " chư Phật pháp thân bất tư nghị, vô hình vô sắc, vô ảnh tượng"*. Nhưng vì chúng sinh không đủ trí huệ nhận biết pháp thân nên chư Phật bắt buộc dĩ phải thị hiện hóa thân vào cõi huyễn của chúng sinh để chỉ dạy pháp thân thanh tịnh, song đa phần nhận lầm ngón tay là mặt trăng, nên nhận hóa thân là chân thật Phật duy nhất, mà vĩnh viễn quên mất mặt trăng chân Phật. Vì lẽ này *đức Phật mới quở "nếu lấy sắc (hóa thân) làm Phật, lấy thanh âm (hóa pháp) cầu ta, người này hành tà đạo không thể thấy Như lai" (Kim cương kinh)*.

Cần hiểu rõ sắc thân Phật tức hóa thân Phật không thực là Phật, mà giác ngộ tức thanh tịnh pháp mới thực là Phật. Do ngộ nhận nên đồ chúng mãi lo tạo tượng lễ bái cúng dường hóa Phật cầu nguyện cho thân nghiệp của mình, tất cả những thứ này chỉ là phúc báo nhân thiên, và kì thật chỉ là huyễn sự, đừng quên rằng cõi trời người cũng chỉ là một trong các cõi hư huyễn si mê. Nếu tu tập chỉ gói trọn trong huyễn pháp kiêu này thì mãi mãi lưu chuyển trong cảnh giới của vọng thức phân biệt mộng ảo, như thế thì biết đến thuở nào mới giác ngộ? Vì vậy *Ngũ tổ Hoằng Nhãn mắng "các vị cả ngày chỉ lo tu phúc, không cầu ra khỏi sinh tử luân hồi, nếu mê mất tự tính thì chẳng có phúc nào cứu được các vị"*.

Độ sinh.

Phật là một tác dụng thanh tịnh của bản tâm, vì độ sinh mà khởi dụng. Sự hiện hữu của Phật không ngoài việc độ sinh, nếu không có chúng sinh sẽ chẳng bao giờ có Phật. Có thể nói chính xác rằng *"Phật là độ sinh" và "độ sinh là Phật"*.

Độ sinh là giúp chúng sinh đạt được cứu cánh giải thoát là thành Phật tức quy hồi bản tâm. Thế nhưng do căn tính chúng sinh có cao thấp nên độ sinh cũng tổng phân thành hai loại, cứu cánh và phương tiện độ.

Thứ nhất là mở bày cho chúng sinh Phật tri kiến của chính họ để họ ngộ nhập về lại với bản tâm, như *kinh Viên Giác thuyết "thủy tri chúng sinh bản lai thành Phật, sinh tử niết bàn do như tác mộng" phải biết chúng sinh vốn đã thành Phật, sinh tử niết bàn giống như cơn mộng*. Đó là cứu cánh độ sinh dành cho bậc thượng căn.

Commented [24]: Chương Phổ Nhãn.

Thứ hai do chúng sinh thức năng trí kém, không nhận biết Phật tri kiến nơi mình, lại chấp chặt vào tri kiến thuộc hóa pháp của hóa Phật, ngộ đó là Phật tri kiến, nhồi nhét các tri kiến phương tiện này vào tâm mê, tăng trưởng tri kiến cho chúng sinh tri kiến của tự thân, khiến Phật tri kiến biến thành chúng sinh tri kiến như *kinh Viên Giác thuyết "vị miễn luân hồi nhi biện viên giác, bi viên giác tính tức đồng lưu chuyển", nếu chưa ra khỏi luân hồi mà bàn viên giác thì viên giác ấy sẽ là viên giác luân hồi*. Điều này lý giải vì sao các nhà nghiên cứu, học giả Phật học chẳng ai giác ngộ mà chỉ có cao tăng thực đức chuyên tâm tu tập mới giác ngộ.

Người tu chuyên quán sát thật tướng vạn pháp, càng tu càng vô phân biệt. Người học lo phân tích danh tướng các pháp, càng học càng phân biệt. Khi còn trẻ ngộ học là tu, sau này mới vỡ lẽ cái học phân biệt ấy thực vô ích, **Huyền Giác đại sư** từng tự trách trong *Chứng Đạo Ca "Ngộ tảo niên lai tích học vấn, diệc tăng thảo số tâm kinh luận, phân biệt danh tướng bất tri hữu, nhập hải toán sa đồ tự khổn. Khước bị Như Lai khổ hà trách, sở tha trân bảo hữu hà ích", tôi thường thiếu thời ham học vấn, cũng từng thảo số tâm kinh luận, không ngừng phân biệt danh với tướng, ra biển đếm cát tự nhọc thân, nên bị Như Lai quả trách mắng, đếm của nhà người được gì đâu*. Các xu hướng dụng tâm phân biệt tu học này chắc cũng sẽ bị Như lai mắng vì không thể đạt được cứu cánh viên mãn hợp nhất tam vô lậu học, do đó vẫn cách xa với cứu cánh giải thoát.

Những người dùng tư cách chúng sinh tu học pháp Phật, đều chúng sinh hóa tức thể tục hóa chân lý của Phật pháp, khiến mọi pháp có công đức giải thoát đều trở thành pháp phúc báo một đời của thế gian. Như vậy tu học không phát tâm bồ đề mọi thiện pháp sẽ trở thành thế gian pháp, *kinh Hoa Nghiêm thuyết "ly bỏ đề tâm, nhất thiết sở tác giai thành ma nghiệp", lìa bỏ đề tâm làm bất cứ gì đều thành nghiệp của ma*. Cõi sinh tử là cõi của ma, nên thế gian cũng thuộc cõi ma, vì vậy *bất luận pháp nào ngăn chặn sự phát tâm đều là ma pháp*.

Đối với những chúng sinh không chịu phát tâm, chư Phật đành dùng pháp thế gian phúc báo tạm thời độ họ, khiến họ không đọa tam ác đạo, cho đến được sinh thiên, đó chỉ là phương tiện độ.

Cúng dường Phật.

Commented [25]: Chương Kim Cương Tạng

Commented [26]: Tính không cũng vậy, nếu trên vị trí nhị biên hữu không của chúng sinh tri kiến mà luận về không thì không ấy sẽ không còn là không mà chỉ là cái không đối lập với hữu.

Commented [27]: Phật pháp cần tu chứng, học không chứng được, vì chỉ có tu mới phát tâm bồ đề. Học lãnh bằng thế trí, tu đắc đạo xuất thế trí..

Commented [28]: Được gọi là Nhất tức giác (giác ngộ trong một đêm) là một trong bốn vị được coi là tổ thứ bảy của Thiền tông.

Commented [29]: Không phát tâm bồ đề tu học đại thừa.

Cúng dường đồng nghĩa với bố thí nhưng cúng dường hàm nghĩa cho một cách cung kính, gọi là dâng lên. Cúng dường là thiện pháp tạo phúc báo phổ thông nhất trong sinh hoạt của tín đồ.

Vì cứu độ chúng sinh mà đức Phật thị hiện nơi đời. *Tất cả vì chúng sinh đó là tâm niệm của đại thừa bồ tát đạo*, từ cứu khổ cứu nạn cho đến giác ngộ chúng sinh đều là nhật thường sinh hoạt của Bồ tát. *Chư Phật đến với chúng sinh để cho và để phụng sự mà không phải để nhận hay để được phụng sự*, nếu phải nhận hay được phụng sự chẳng qua cũng chỉ là phương tiện giúp cho chúng sinh được lợi lạc. Vì vậy cho là một pháp tạo công đức không thể thiếu trong sự tu học thanh tịnh pháp.

Cho phân làm hai loại. Cho người tôn kính như đức Phật, chư tăng, cha mẹ gọi là cúng dường, cho người bình dân gọi là bố thí. Tuy đồng là cho nhưng đa phần đồ chúng thích cúng dường hơn là bố thí, đơn giản chỉ vì họ tin rằng cúng dường nhiều phúc báo hơn. Trong kinh Ưu bà tắc giới đức Phật dạy pháp "*bố thí bình đẳng*" sẽ được công đức nhiều như nhau bất kể cúng Phật hay cho ăn mày mà không cần tính toán có lợi nhiều ít cho bản thân.

Commented [30]: Xem bài viết Bố thí bình đẳng để hiểu hơn.

Hai loại cúng dường.

Có hai thứ là phương tiện cúng dường hay cúng dường hóa Phật và cứu cánh cúng dường tức cúng dường thật Phật.

Phương tiện Cúng dường.

Phương tiện có nghĩa là một cách thức được dùng để chỉ bày ra một sự thật gọi là cứu cánh, như ngón tay là phương tiện để chỉ trăng. Tất cả mọi thứ từ thân Phật thị hiện nơi đời cùng các pháp được thuyết đều chỉ là phương tiện để chỉ ra thật Phật và cứu cánh pháp, nên Phật và pháp này được gọi là hóa Phật và hóa pháp.

Khi hóa thân Phật còn tại thế đồ chúng cúng dường tứ vật dụng cho ngài. Sau khi hóa Phật niết bàn, đồ chúng xây tháp tạo tượng thờ phụng cúng dường. Mọi sự cúng dường hóa Phật đều thuộc cúng dường phương tiện nên phúc báo cũng chỉ có trong *cõi phương tiện* mà thôi.

Commented [31]: Cõi phương tiện là thế giới hư huyền.

Cứu cánh Cúng dường.

Cứu cánh ở đây có nghĩa cùng tốt, chân lý, chân thật, đối lại với phương tiện, như gọi thật pháp là cứu cánh pháp, hóa pháp là phương tiện pháp. Cúng dường cứu cánh có hai phương diện, thứ nhất là sự cúng dường chân thật, thứ hai là cúng dường chân thật Phật. Hai phương diện này tuy hai mà một, vì sao? Đơn giản là vì cúng dường thật Phật mới là chân thật cúng dường, và chân thật cúng dường cũng chính là cúng dường chân Phật.

Trong phẩm Hành nguyện Phổ Hiền Bồ Tát dạy nếu cúng dường tất cả mười phương chư Phật công đức sẽ không thể nghĩ bàn, thế nhưng nếu dùng một trong bảy thứ pháp cúng dường thì công đức vượt xa sự cúng dường trước.

Bồ Tát Phổ Hiền thuyết. "Thiện nam tử ! Trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Pháp cúng dường là: Tu hành đúng theo lời Phật dạy để cúng dường, làm lợi ích cho chúng sanh để cúng dường, chịu khổ thế cho chúng sanh để cúng dường, nhiếp thọ hết cả chúng sanh để cúng dường, siêng năng tu tập căn lành để cúng dường, không bỏ hạnh Bồ Tát để cúng dường, chẳng rời tâm Bồ Đề để cúng dường.

Thiện nam tử ! Như vô lượng công đức của sự cúng dường trước kia sánh với một niệm công đức của pháp cúng dường, thời không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn, cu chi na do tha, một phần ca la, một phần toán, một phần số, một phần dụ, cũng chẳng bằng một phần ưu ba ni sa đà. Vì sao? Vì các đức Như Lai tôn trọng chính Pháp. Vì theo đúng như lời Phật dạy mà tu hành thì sinh ra các đức Phật. Nếu các Bồ Tát thực hành pháp cúng dường, thì trọn nên sự cúng dường Phật. Tu hành như vậy mới thật là sự cúng dường. Nên Pháp cúng dường là sự cúng dường rộng lớn hơn tất cả."

Phẩm Hành Nguyện phân cúng dường Phật thành hai loại. Thứ nhất là trực tiếp cúng dường đến chư Phật, thứ hai là cúng dường gián tiếp chư Phật thông qua phụng sự chúng sinh. Phương pháp cúng dường thứ hai công đức vượt trội phương pháp thứ nhất, vì vậy đức Phật thuyết "*phụng sự chúng sinh là cúng dường chư Phật*".

Trực tiếp cúng dường.

Commented [32]: Đó là cúng dường nhất thiết chư Phật.

Commented [33]: Bởi chính pháp đích thực là thân Phật, hành chính pháp là nhân, thành Phật là quả. Phật và pháp là nhân quả tương tức, tức Phật tức pháp.

Commented [34]: Tức Phật tức pháp nên pháp cúng dường thực sự là cúng dường Phật.

Trực tiếp cúng dường đến chư Phật là lối cúng dường phổ biến của hầu hết tín đồ phổ thông. Khi Phật tại thế họ cúng dường ngài, khi Phật niết bàn họ tạo tượng dùng hoa hương cúng dường tôn tượng, và với tín chúng không còn cách cúng dường Phật nào khác nữa. Phần đầu nguyện "*quảng tu cúng dường*" nói về sự cúng dường trực tiếp mười phương chư Phật.

Gián tiếp cúng dường.

Gián tiếp cúng dường thông qua phụng sự chúng sinh là pháp cúng dường của nhất thiết Bồ tát tu tập bồ tát đạo. Bồ tát hiểu rằng cung kính bất như phụng mạng, hành y theo lời Phật dạy chính là sự tối cung kính dâng lên chư Phật coi đó là thứ duy nhất có thể cúng dường đức Thế Tôn. Đức Phật không cần hương hoa, tôn tượng trang nghiêm bằng bảy báu, ngài chỉ cần thấy chúng sinh được độ, thấy hàng đồ chúng y theo lời ngài lợi lạc hữu tình như ngài đã làm trong vô lượng đời. Ngài miệt mài bao đời độ sinh không phải để mong đạt quả được tôn kính tạo tượng thờ phụng, nhận hương hoa mà để thấy pháp độ sinh luôn có người tiếp nối. *Vì vậy làm theo lời dạy của ngài, phụng sự chúng sinh chính là sự cúng dường tối thắng mà chỉ có hàng Bồ tát phát tâm mới đủ trí huệ để nhận biết và hành theo.*

Commented [35]: Những ai tiếp nối sự nghiệp độ sinh mới thực sự là mạng mạch của Như Lai. Mạng mạch là pháp độ sinh không phải hình tượng xuất gia là mạng mạch.

Phàm phu không biết Phật và pháp tương tức, nên tuy trọng Phật nhưng khinh pháp, vì vậy họ chỉ thờ kính Phật nhưng không hành pháp lợi sinh theo lời dạy của đức Phật. Họ không ngờ rằng Phật lia chính pháp chỉ là giả Phật. Chính pháp đâu thì Phật đó, bởi pháp với thật Phật là một. Chính pháp là chân tâm của ta, vì vậy thật Phật chưa hề lia ta, ngay cả khi ta ngỡ ta là chúng sinh cùng tử luôn khấu đầu ăn mày công đức Phật và cho đến ngày ta thấy ta là Phật, không như hóa Phật thoát đến rồi đi. Phàm phu mãi lo phụng sự hóa Phật bỏ quên thật Phật tức sự thực hành chính pháp. Bồ tát phụng sự chân Phật nên thiết tha hành pháp lợi sinh, như bảy pháp cúng dường được Bồ tát Phổ Hiền nêu lên trong phần cuối của nguyện "*quảng tu cúng dường*".

Tạo tượng cúng dường.

Sau khi Phật niết bàn, vì tưởng nhớ và nhắc nhở hậu thế không quên công ơn của ngài, đồ chúng tạo tượng Phật thờ phụng, chiêm bái và cúng dường. Có hai lối tạo tượng gồm tạo tượng của hóa thân và của chân thân.

Tạo tượng hóa thân.

Hóa thân hay sắc thân Phật là 32 tướng tốt mà tâm thức phân biệt của chúng sinh nhận biết được, họ mô phỏng các tướng hảo trang nghiêm này, dùng các tạp chất như vàng đồng, gỗ đá, đất bùn, nhò vào tay thợ khéo chạm trổ, điêu khắc, đúc tạc tượng, hoặc dùng vải, giấy hoặc thêu hoặc họa hình tướng của sắc thân Phật để chiêm ngưỡng thờ phụng, Đó là sự cúng dường thông qua việc tạo tượng hóa Phật, sau khi Phật niết bàn.

Tạo tượng chân thân.

Làm thế nào để tạo tượng chân Phật? Tạo tượng hóa Phật thì dùng đến các vật liệu tạp chất và tay thợ mô phỏng sắc tướng hóa Phật, nhưng thật Phật vô tướng nên không thể dùng phương pháp tạo tượng theo thế tục được như Bồ Đại hòa thượng miêu tả *"Ngô hữu nhất khu Phật, Nhân họa họa bất thành. Thế nhân giai bất thức. Tặc thâm thâm bất đắc. Bất sóc diệc bất trảng. Thế tướng bốn tự hữu. Bất điều diệc bất khắc. Thanh tịnh phi phát thức. Vô nhất trích khôi nê. Tuy nhiên thị nhất khu. Vô nhất điểm thái sắc. Phân thân thiên bá ức."* Ta có pho tượng Phật, họa sĩ không vẽ được, người đời không biết đến, kẻ trộm không cướp được, không nặn cũng không đắp, thể tướng vốn sẵn đủ, chẳng khắc cũng chẳng chạm, sạch sẽ không cần chùi, chẳng dính chút đất bùn, đâu rằng là một pho, không có chút sắc màu, phân thân ra mọi nơi.

Như vậy làm cách nào để tạo một pho tượng hy hữu giống vậy? Không một tạp chất nào, không một tay thợ nào đủ công đức và thanh tịnh để được dùng vào việc tạo tượng chân Phật, vì chân thân Phật không do các thứ vật chất sinh diệt hợp thành như sắc thân vô thường của chúng sinh mà hoàn toàn do công đức vô lậu độ sinh kết thành gọi là viên mãn báo thân. Muốn thấy, hoặc chiêm ngưỡng hoặc tạo tượng báo thân hy hữu này đều phải dùng đến công đức vô lậu mới thực hiện được. Tổ sư Đạt Ma đã dạy cách tạo tượng chân Phật hoàn hảo như sau:

"Nói đúc tạc hình tượng, tức đó là tất cả chúng sinh cầu Phật đạo, cần tu các giác hạnh, phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há phải đâu chỉ là việc đúc vàng tạc đồng tâm thường! Bởi vậy, người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm lò, lấy pháp làm lửa, lấy trí huệ làm tay thợ khéo, lấy ba tụ tịnh giới sáu ba la mật làm khuôn phép, nấu chảy và rèn đúc chất chân như Phật tính ở trong thân cho thấm nhập khắp tất cả hình thức giới luật, y lời dạy vàng

làm, mỗi mỗi không hờ sót, thì tự nhiên thành tựu hình tướng của chân dung. Hình tướng đó đích thực là pháp thân thường trụ vi diệu và cùng tột, há phải đâu là pháp thân hữu vi hư đốn sao?

Người cầu đạo không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì bằng vào đâu mở miệng nói công đức?"

Các vị Bồ tát, tổ sư trí tuệ tham thấu thật pháp, nên hành nhất thiết sự đều đúng với thật pháp, các sự hành này là Phổ Hiền hành phát khởi từ thật trí Văn Thù hiển bày pháp thân của Tỳ Lô Giá Na Phật.

Từ cúng dường, đến đúc tượng đều y vào pháp thân, nên là cúng dường và tạo tượng đúng pháp nhờ vậy thành tựu công đức vô lậu, cách tạo tượng này không dùng tạp chất và tay thợ thế gian, mà dùng trí tuệ làm thợ, công đức là chất liệu, vì vậy tạo thành pho tượng đầy đủ trí tuệ và công đức độ sinh của cả báo lẫn pháp thân. Đệ tử chân chính của Phật phải là những người thợ khéo chuyên tạo tượng chân Phật đầy đủ công đức, nào phải chỉ đúc tạo thân tướng Phật bằng tạp chất mà là công đức.

Phàm nhân cúng dường tạo tượng đều y vào hóa thân, nên chỉ được phúc hữu lậu vì không đúng pháp, gọi đó là y nhân (hóa thân) bất y pháp (thân). Bồ tát phụng sự chúng sinh vừa là cúng dường chân Phật, vừa là tạo chân thân Phật tượng nên công đức vô lượng hiển bày Báo thân viên mãn.

Chúng sinh.

Luận Đại trí độ định nghĩa "do trải qua vô số lần sinh tử nên gọi là chúng sinh", nhưng vì sao không gọi chúng tử? Phàm có sinh tất có tử, song có thứ tử mà vô sinh như sự tịch diệt của bậc thánh chúng. Do vậy không gọi chúng tử mà gọi là chúng sinh.

Sinh tử là đại biểu cho nhị pháp đối đãi hay nhị biên. Chúng sinh trải qua vô lượng kiếp sống chung và sinh hoạt với nhị biên, chọn đây bỏ kia, thủ xả tạo tác vọng nghiệp không ngừng, các vọng nghiệp chiêu cảm nên bao thân tâm, bao cuộc đời không có hồi kết.

Do các yếu tố này *đức Phật phán "nhân sinh thị khổ"*, bất kì kiếp sống nào chúng sinh cũng bị lẩn cản giữa hai pháp thủ xả, một thứ hấp dẫn lôi cuốn

Commented [36]: Tượng Phật thế gian đều là pháp hữu vi hư đốn vì thuộc sinh trụ dị diệt. Đức Phật phủ nhận tướng sắc thân là Phật qua đối thoại giữa ngài và trưởng lão Tu bồ đề trong kinh Kim Cương : "Tu-bồ-đề, ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?" "Phật dã, Thế Tôn. Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng tức phi thân tướng."

Phật cáo Tu-bồ-đề: "Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tắc kiến Như Lai.", Tu bồ đề! Có do thấy thân tướng là thấy Phật không? Bạch Thế tôn, không thể gọi thấy thân tướng là thấy Phật, vì Phật nói thân tướng thực không phải thân tướng. Phật dạy "phàm có tướng đều là hư vọng. Nếu thấy các tướng không phải là tướng, mới chính là thấy Như lai".

Commented [37]: Phàm nhân ngộ hội hóa thân là thật Phật, nên tạo tượng cũng hiểu sai mà vẫn dính ninh việc hiểu sai này là công đức.

Commented [38]: Công đức thuộc về thanh tịnh thường trụ, bi trí độ sinh, vô sinh diệt, nên không thể dùng tạp chất bất tịnh, tạo nên hình tượng có vẻ đẹp thể tục rồi gọi là công đức. Tạo tượng hóa thân theo thế gian chỉ là phúc báo mà không hề là công đức. Hai từ phúc báo và công đức được sử dụng giống nhau theo tục để nhưng theo chân đế chỉ có công đức mới có giá trị lợi mình lợi người và giải thoát.

Commented [39]: Y pháp (thân) còn như chúng sinh y nhân, tức cúng dường đúc tượng đều bám vào sắc thân của hóa Phật, vì không nhận biết pháp thân Phật.

chúng sinh tranh nhau thù, còn thứ kia đe dọa gây sợ hãi khiến chúng sinh tìm mọi cách né tránh để xả, cả hai thứ lôi cuốn lẫn sợ hãi đều khiến chúng sinh u mê thù xả bất trạch thù đoạn, dẫn đến tạo vô số ác nghiệp trong một kiếp. Vì lẽ này *kinh Địa Tạng nói "chúng sinh cõi này mọi suy nghĩ hành động đều là nghiệp tội"*.

Kinh Pháp hoa ví cảnh giới thế gian của chúng sinh là nhà lửa cần mau thoát ra. Kinh pháp Cú nói "làm sao cứ vui đùa, khi đời mãi bị thiêu, sống trong cảnh tối tăm, sao không tìm ánh sáng".

Chúng sinh bao kiếp sống thấp thỏm trong tâm trạng vừa mê đắm đời sống dục lạc vừa âu lo sợ sệt mất mát cùng cái chết, sống bất an nhưng vẫn không tìm giải thoát mà vẫn miệt mài tranh giành dục lạc cho đến khi bị tử thần lôi đi. Dù biết là sẽ mất cả khi chết, chúng sinh vẫn không tìm cách giải nạn này khi còn thời gian, vẫn lao vào con đường dẫn đến bờ vực của tử thân, như *kinh Pháp Cú thuyết "Vội gây người chăn bò, lừa bò ra bãi cỏ, cũng vậy già và bệnh, lừa người đến tử vong"*. Đó là tinh thần cương cường khó độ của chúng sinh.

Nguyên nhân chính khiến chúng sinh và thế gian hiện hữu là vì mê mất bản tâm, như người ngủ mơ là nguyên nhân chính khiến cõi mộng và người mộng hiện hữu và cõi thật **biến mất**. Giác có nghĩa là thức tỉnh, giác ngộ là chấm dứt cơn mộng ảo trở về trạng thái chân thật xưa nay. Phật và chúng sinh vốn chỉ là hai trạng thái của một tâm, vì thế nên nói "*Tâm, Phật, chúng sinh thị tam vô sai biệt*", tâm với Phật và chúng sinh vốn là một.

Tâm này là bản tâm tức chân tâm, còn đối với vọng tâm của chúng sinh thì cả ba khác hẳn nhau, vì vọng tâm vốn là vọng thức phân biệt nên không nhận ra nhất thật mà chỉ thấy có ba sai biệt. Thức thấy nhiều ngọn ngành mà không thấy một gốc. Trí vô phân biệt nên thấy bao nhiêu ngọn cành đều chung một gốc (nhất thật). Thức nhận ra ngọn là chúng sinh tri kiến, trí nhận ra gốc là Phật tri kiến.

Do bản tâm vốn không mê ngộ, không Phật và chúng sinh nên không có ba sai khác, như tâm trong trạng thái tỉnh. Do mê mất bản tâm mà tâm mê hiện thành nên thấy có ba sai biệt, như tâm trong trạng thái mộng寐. Thấy ba là vọng thức, thấy một là thật trí, nay nói "ba" là theo hóa pháp thế đế, nói "không sai biệt" là hiển bày thật pháp chân đế, đó là dùng ngón tay chỉ trăng. Bản chất thật của

Commented [40]: Sự thật thì cảnh thật không mất mà bị cõi mộng che khuất, khi mộng tan thì cõi thật tự hiện mà không phải mới sinh, như mây che trăng, gió lùa mây bay trắng lại hiện ra.

Phật và chúng sinh vốn đồng là một nên đức Phật khẳng định nhất thiết chúng sinh đều có Phật tính và như thế đều có thể thành Phật.

Những điểm mê chính yếu của chúng sinh.

-Chúng sinh ngỡ mình và thế gian là chân thật, mặc dù đời sống trầy trật nhọc nhằn lại thêm bệnh già và chết, đa phần Phật giáo đồ từ ngàn xưa đến nay vẫn cầu xin đức Phật được sống lâu hưởng lạc hơn là khát cầu pháp giải thoát sinh tử của Như lai. Những ai cầu pháp giải thoát đều thành Thánh xuất thế gian, nhưng con số này luôn là thiếu số hy hữu.

Commented [41]: Nhận huyền làm thật là si mê, điều này khiến chúng sinh hiện hữu.

-Chúng sinh không hiểu họa với phúc là một, khổ với lạc không hai. Vì vậy họ tham sống sợ chết, tham được sợ mất, ham vui sợ khổ, tham vinh sợ nhục, mà không hiểu hai thứ ấy chỉ là hai mặt trái phải vô thường biến đổi của một bản chất bất động (pháp), cả hai thứ vô thường này biến đổi theo hướng mâu thuẫn với chính nó, có nghĩa trẻ biến thành già, sống biến thành chết.. Hai thứ này xoay qua chuyển lại như ngày với đêm, hễ có cái này ắt có cái kia, hễ cầu cái nọ sẽ được luôn cái kia. Do không nhận ra thật pháp vốn một đó mà chúng sinh phải trả giá chịu bao đời sống trong tâm tham trộn lẫn sợ hãi mà vẫn không cần cầu giải thoát, đó là do nghiệp tham và sợ kia quá nặng, không muốn xả bỏ.

Commented [42]: Thấy một ra hai sinh tâm thủ xả, đó là tâm mê, điều này khiến chúng sinh tạo tác mọi vọng nghiệp. Chúng sinh chọn phúc mà không hiểu rằng đó cũng chính là chọn họa bởi phúc và họa là một, nên Lão tử nói "sùng nhục nhược kinh" vinh nhục đều đáng sợ như nhau.

Vì các lý lẽ trên chúng sinh khó phát tâm cầu giải thoát, thà muôn kiếp chịu khổ vẫn hơn phải chịu bỏ một đời tu tập giải thoát. *Họ tự rung cây nhát khi bằng ý nghĩ "tu tập giải thoát gian khổ và khổ lắm"*. Họ có quá nhiều trải nghiệm về nỗi gian truân phiền muộn của cuộc sống mà chưa biết sợ biết chán, trong khi họ chưa từng trải qua cảm thọ của sự tu tập mà lại tự sinh tâm sợ sệt hù dọa lẫn nhau cho là vô cùng gian khổ, quả là ảo tượng của tính si mê. Đó cũng là đặc tính u mê cương cường khó độ của chúng sinh.

Kết luận.

Tóm lại khi tâm mê bao gồm tám thức với đặc tính phân biệt nên có Phật và chúng sinh, khi tâm giác gồm bốn trí với tính vô phân biệt nhận biết vô Phật vô chúng sinh. Tâm mê là huyền, tâm giác là chân, nên khi giác ngộ viên mãn thì chỉ có tâm, không có mê giác cũng như chẳng có Phật và chúng sinh và như thế mới thực là viên giác và thật Phật.

Commented [43]: Thức thường phân biệt các pháp. Trí nhận ra gốc sinh các pháp nên gọi là vô phân biệt. Pháp tương tống tu tập chuyển bất thức thành tứ trí. Đức Phật dạy y trí đừng y thức.

Commented [44]: Thật giác ngộ là không còn giác lẫn mê, nên nói không có giác mới là thật giác. Như vậy thật thành Phật là không có Phật để thành mới là thật thành Phật.

Đã hiểu tức tâm tức Phật tất nhiên mọi công đức trí huệ thanh tịnh của Phật đều sẵn có nơi tâm, mọi thứ nơi tâm đều có đủ nơi Phật. Vọng tâm và chúng sinh vốn là huyền ảo không thật. Muốn được giải thoát không có cách nào khác hơn phải xả vọng quy chân, có nghĩa xả vọng tâm phát chân tâm, mở ra cánh cửa cho con đường hành thật pháp quay về với "tức tâm tức Phật". Thời mạt pháp người tu bị ma chướng nên chối từ phát tâm, họ trung thành với mê tâm và kiếp cùng tử chỉ thích "ăn mày công đức Phật" mà không hiểu rằng "công đức Phật" ở ngay tâm mình, như viên ngọc trong chéo áo cùng tử. Chỉ có bậc trí huệ và công đức mới nhận ra và có nhận ra mới là Pháp vương tử.

ĐT 9.1.22
PVVT

Phụ lục.

Các điểm bất đồng về hai thứ cúng dường.

- Chúng sinh chỉ biết cúng dường hóa Phật, Bồ tát cúng dường tất cả, từ hóa Phật đến thật Phật.
- Chúng sinh dùng tài vật cúng dường, Bồ tát dùng nhiều ích hữu tình cúng dường.
- Thời mạt pháp chúng sinh chỉ biết tạo tượng thờ phụng, cho đây là sự cúng dường Phật. Bồ tát cúng dường chư Phật bằng y lời Phật dạy cứu khổ cứu nạn chúng sinh, không lìa bỏ đề tâm, không bỏ Bồ tát hành.

Các điểm bất đồng về hai thứ tạo tượng.

- Do không nhận ra chân thân Phật vốn là thanh tịnh pháp, chúng sinh nhận hóa thân Phật là Phật, vì vậy chỉ biết tạo tượng hóa thân thờ phụng.
- Chúng sinh dùng tạp chất và thợ thế gian tạo tượng hóa Phật cúng dường. Bồ tát dùng công đức và bi trí độ sinh làm chất liệu và thợ khéo tạo tượng chân Phật cúng dường.
- Hóa thân là sắc thân do tứ đại hợp thành, tượng hóa thân do các tạp chất tạo thành. Các sắc chất đều có hình tướng, *đức Phật xác định trong kinh Kim*

Commented [45]: Hồi đầu thị ngạn, quay đầu là bến.

Commented [46]: Lục tổ nói "Tạo tự độ tăng, Bồ thí thiết trai, danh vi cầu phúc. Bất khả tương phúc tiện vi công đức. Công đức tại pháp thân trung, bất tại tu phúc.". Xây chùa độ tăng, trai đàn Bồ thí gọi là cầu phúc. Đừng lầm phúc là công đức, công đức tại pháp thân không ở nơi cầu phúc. Tín chúng khi cầu phúc cho mình không nên ngộ nhận đó là công đức. Phát khởi tâm thanh tịnh mới là công đức.

Commented [47]: Tứ đại hợp thành và mang tướng người (nhân tướng), đức Phật vừa xác nhận mọi tướng đều là hư vọng vừa bác bỏ Như lai không thuộc tứ tướng bao gồm, nhân, ngã, chúng sinh và thọ giả.

Cương các sắc tướng đều là hư vọng, đồng thời phủ nhận thấy thân tướng Phật là thấy Phật qua đối thoại với trưởng lão Tu bồ đề "Có do thấy thân tướng là thấy Phật không?" "Thưa không, thấy thân tướng không phải là thấy Phật". Phạm có bốn tướng, nhân, ngã, chúng sinh và thọ giả đều không phải là Phật.

Như vậy theo tục đế thì gọi tượng là Phật nhưng theo chân đế thì hoàn toàn không là. Cổ đức thuyết kệ :

Nê tổ mộc điêu kiên thái hội, đồ thanh mạt hoàng hựu tráng kim.

Nhược ngôn thử thị Như lai tướng, tiểu sát nam hải Quan thế âm.

(bùn đất khắc gỗ vẽ màu mè, bôi xanh phết vàng lại tô kim, nếu nói đây là như lai tướng, cười chết nam hải Quan thế âm).

-Tượng thân tướng chỉ là phương tiện tạm gọi là Phật, nên việc tạo tượng cũng có phúc báo rất khiêm tốn không thể gọi là công đức vì thuộc phương tiện nên chỉ là phúc báo nhân thiên.

-Tạo tượng chân thân có nghĩa tượng thật sự là Phật, Phật thật sự là tượng. Đức Phật thị hiện nơi đời để chỉ dẫn cách tạo tượng chân chính này. Dùng tâm bồ đề là người thiết kế, trí huệ là thợ khéo, công đức là chất liệu, thân làm khuôn, pháp làm lò tạo thành một pho chân thân Phật.

-Bất cứ đệ tử Phật nào chẳng luận cư sĩ hay tu sĩ cũng có thể tự tạo nên pho tượng chân thật, với năng lực nhiều ích hữu tình, đầy đủ công đức thượng cầu hạ hóa. Dĩ nhiên đúc tạo pho tượng công đức đó rất khó, nhưng đại tượng phu đệ tử Phật không sợ khó, chỉ sợ ý chí hèn yếu khiếp nhược lùi bước trước mọi khó khăn.

-Sợ khó nên không dám đối diện với các thử thách của con đường giải thoát là một nỗi u mê. Chỉ biết quý trọng thực hành phụng thờ tôn tượng hóa Phật mà không tôn trọng thực hành **chính pháp độ sinh**, do không biết Phật và pháp độ sinh là một, đó là điều mê muội thứ hai.

-Chỉ có hàng Bồ tát phát tâm mới hiểu biết và đủ hùng lực để tự tạo pho tượng chân thân Phật.

-Bằng trí huệ đệ tử Phật sẽ nhận ra phụng sự chúng sinh vừa là sự cúng dường tối thắng trong mọi pháp cúng dường, vừa là cúng dường chân thật cho Pháp thân Phật, và cũng vừa là việc tạo nên pho tượng công đức Báo thân viên mãn

Commented [48]: Chính pháp là cứu cánh Phật, hóa thân là phương tiện Phật

cho nhất thiết chúng sinh được diệt khổ đắc lạc. Cuối cùng là kết luận "lợi lạc (phụng sự) chúng sinh là công đức thù thắng hơn mọi công đức".

Commented [49]: 48 nguyện của ngài Pháp Tạng, đại nguyện của Bồ tát Địa Tạng đều coi việc độ sinh cao hơn việc thành Phật. Các nguyện của đức Phật Dược Sư và Bồ tát Quan Thế Âm cũng chỉ nhằm vào cứu khổ và lợi lạc hữu tình.